

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13/02/2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bích Liên.
- Bà Phạm Kim Tuyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 440/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-ST ngày 30/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lan D, sinh năm 1979; Địa chỉ: 513/60 Điện Biên Phủ, phường A, quận B, Thành phố H; Tạm trú: 423/9 Đào Sư Tích, tổ 6, ấp B, xã A, huyện N, Thành phố H (Có mặt)

Bị đơn: Ông Phan Anh T, sinh năm 1975; Địa chỉ: 513/60 Điện Biên Phủ, phường A, quận B, Thành phố H; Tạm trú: 423/9 Đào Sư Tích, tổ 6, ấp B, xã A, huyện N, Thành phố H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 19/8/2022 và các bản tự khai và biên bản có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn Bà Trần Thị Lan D trình bày:

Bà Duyên và Ông Phan Anh T quen biết, tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 46 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố H cấp ngày 02/7/2001.

Theo Bà D, vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn vì tính cách hai vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không gắn bó mất lòng tin ở nhau thường xuyên xảy ra việc gây

gỗ, cãi vã. Đồng thời vợ chồng không có sự yêu thương chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau trong gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù đôi bên đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay, Bà D nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên Bà D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có một con chung tên Phan Hoàng T, sinh ngày 06/7/2002. Hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để mời Ông T trình bày ý kiến hay đưa ra các yêu cầu của mình, đồng thời tham gia hòa với Bà D nhưng Ông T không đến tòa, tuy nhiên Ông T chỉ bản tự khai ngày 03/11/2022 trình bày:

Về hôn nhân có đăng ký kết hôn theo trình bày Bà D, do trong quá trình sống chung thời gian gần đây hai vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là cãi nhau, tính tình chưa hiểu nhau, điều kiện kinh tế thấp nên Ông T Bà D cãi vã nhưng không đến mức độ phải ly hôn. Ông T còn thương vợ rất nhiều nên cho Ông T hai tháng thuyết phục vợ đoàn tụ nếu sau đó không thuyết phục được thì Tòa cho ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Phan Hoàng T, sinh ngày 06/7/2002. Hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Có, tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông T xác định không có.

- Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè: Qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn sâu sắc, không hòa giải được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận do có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung cả hai bên không yêu cầu cho nên không đề nghị không giải quyết phần này cũng như nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số: 46 quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố H cấp ngày 02/7/2001 thì quan hệ hôn nhân

giữa Bà Trần Thị Lan D và Ông Phan Anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Trần Thị Lan D khởi kiện ly hôn Ông Phan Anh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Ông T có cư trú tại huyện Nhà Bè. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét đơn khởi kiện ngày 19/8/2022 của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu Bà D xin ly hôn Ông T với lý do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra xuất phát từ việc hai người đến với nhau không phải vì tình yêu thương chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống bất đồng quan điểm dẫn đến gia đình không có tiến nói chung mâu thuẫn trầm trọng nhiều năm cũng như hai bên đã tự hòa giải trong gia đình để duy trì hôn nhân nhưng không thành. Theo trình bày Ông T nguyên nhân mâu thuẫn là cãi nhau, tính tình chưa hiểu nhau, điều kiện kinh tế thấp nên Ông T Bà D cãi vã. Đồng thời công văn số: 440/TANB ngày 06/12/2022 xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội Liên hiệp Phụ nữ xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hôn nhân giữa Bà D và Ông T không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt đồng thời ngăn chặn mâu thuẫn ngày càng tăng dẫn đến sự xung đột trong gia đình trầm trọng. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà D và Ông T là có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của Bà D đối với Ông T.

[2.2] Về con chung: Có một con chung tên Phan Hoàng T, sinh ngày 06/7/2002. Hiện đã trưởng thành, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà D, Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Nợ chung: Bà D Ông T xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xét án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nguyên đơn Bà Trần Thị Lan D có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 91, Điều 147, Điều 225, Điều 227, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Điều 83 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Lan D ly hôn với Ông Phan Anh T. Giấy chứng nhận kết hôn số: 46 quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận B, Thành phố H cấp ngày 02/7/2001 không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Có một con chung trưởng thành tên Phan Hoàng T, sinh ngày 06/7/2002.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Lan D và Ông Phan Anh T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Bà Trần Thị Lan D và Ông Phan Anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Nguyên đơn Bà Trần Thị Lan D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0038022 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Bà D đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP-VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- UBND Phường A, Quận B, Thành phố H;
- Lưu HS-VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hồng